TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 219/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 80/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Ông **Hà Văn V**, sinh ngày 20/8/****;

Số CCCD: 03***, ngày cấp 16/3/**** tại cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: T, xã R, tỉnh Ninh Bình.

2/ Bà **Phạm Thị T**, sinh ngày: 20/10/****.

Số CCCD: 036301008483, ngày cấp 16/3/2022, tại cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: N, Ấp **, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 7 năm 2025, ông Hà Văn V và bà Phạm Thị T thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung.

[2] Xét việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Văn V và bà Phạm Thị T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08, đăng ký ngày 22/02/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Quá trình chung sống, ông Hà Văn V và bà Phạm Thị T có 01 con chung là trẻ Hà Phan Anh P (nam), sinh ngày 12/6/2021. Sau khi ly hôn, ông V và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận về con chung như sau: Ông Hà Văn V là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là trẻ Hà Phan Anh P (nam), sinh ngày 12/6/2021. Bà Phạm Thị T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Ông Hà Văn V và bà Phạm Thị T thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 05/8/2025 cho đến khi con chung trưởng thành. Các bên có quyền thỏa thuận phương thức và địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Trường hợp không thỏa thuận được thì các bên thực hiện giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bà Phạm Thị T không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì ông Hà Văn V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi ông Hà Văn V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì bà Phạm Thị T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Những vấn đề khác yêu cầu Tòa án công nhận: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Hà Văn V và bà Phạm Thị T phải chịu lệ phí việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông Hà Văn V và bà Phạm Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/25E/0003730 ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Hà Văn V và bà Phạm Thị T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV10-TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Huyền